

Đương Số: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: **Mậu Thìn** - Thai Nguyên: **Bính Dần**

Thân Vượng: Kim **28/50**

Dụng Thần: **Hỏa**



Main table with 4 columns: Trụ Năm 1979, Trụ Tháng 11, Trụ Ngày 19, Trụ Giờ 4:01. Each column contains a grid of characters and associated terms like 'Quan Đới', 'Bệnh', 'Tuyệt'.

Large table with 12 columns and 12 rows, listing birth years (e.g., 1979, 1984, 1989) and corresponding characters (e.g., Ấn, Kỷ, T. Tài) and their associated terms.

T.Tài	2034	56 tuổi	Tài	2035	57 tuổi	Sát	2036	58 tuổi	Quan	2037	59 tuổi	Kiều	2038	60 tuổi
GIÁP	DẦN	L.Quan	ẤT	MÃO	L.Quan	BÍNH	THÌN	Q.Đới	ĐINH	TỴ	Đ.Vượng	MẬU	NGỌ	Đ.Vượng

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ năm Mùi Thổ được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ tháng Hợi Thủy được Thông căn Dư Khí *.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ ngày Dần Mộc không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ giờ Dần Mộc không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 4/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Kỷ** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Át** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Tử** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Canh** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Mậu** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Bính Dần** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tứ: **Át Hợi** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tứ thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Dần Hợi này là lục hợp Mộc cục, hơi tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh **Mậu Thìn** nạp âm là **Mộc** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ năm **Kỷ Mùi** nạp âm là **Hỏa** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ tháng **Át Hợi** nạp âm là **Hỏa** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ ngày Canh **Dần** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ giờ **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Kỷ Mùi** là **Thổ Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Át Hợi** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Canh **Dần** là Kim khắc **Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Mậu Dần** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức dưới trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời dụng cơ thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 3/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Canh Dần và Kỷ Mùi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Canh Dần và Át Hợi này tương Hợp cho nhau, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Dần Dần này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Thân Vượng: Kim 28/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân Kim Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là 28/50 điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây 18/36 điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng** Kim. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng

nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng Kim thì dụng thần nên là **Hỏa** để khắc bớt Kim, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Hỏa

Dụng Thần là **Hỏa** (dụng thần 1)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Anh vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Hỏa**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

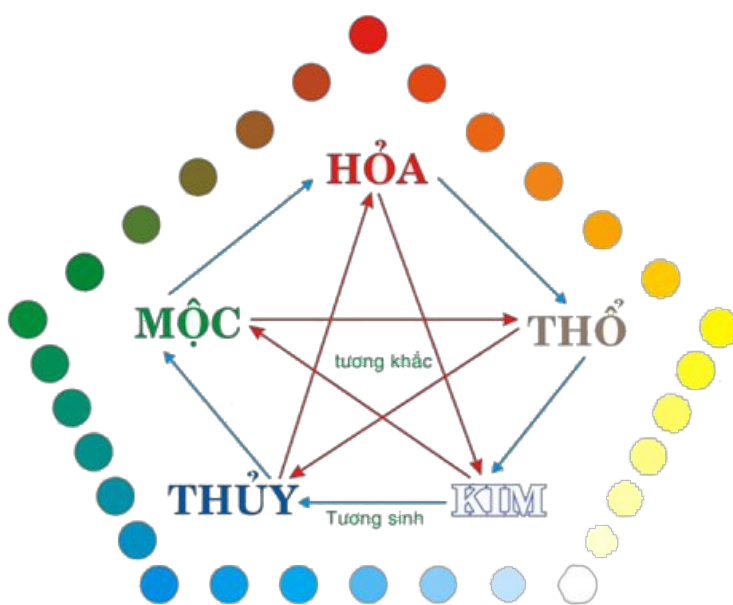
Trụ Năm Kỷ Mùi bị Ất Sửu thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Ất Sửu.

Trụ Tháng **Ất Hợi** bị **Tân Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Tỵ**. Trụ Ngày **Canh Dần** bị **Bính Thân** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Thân**.

Trụ Giờ **Mậu Dần** bị **Giáp Thân** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Thân**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não

Ngũ hành	Cán (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trùng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cổ kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cằm vuông, nhân trung sâu; tóc thưa, sợi nhỏ và xanh mượt; tay tròn trịa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao. Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.

Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác...

Quý Anh Người Thuộc Kim Vượng

Người mà thuộc Kim vượng là người có vóc dáng không gầy, cũng không béo, mắt sâu, lông mày cao, da trắng và đẹp, tác phong quyết đoán, trọng nghĩa khinh tài, giàu lòng tự trọng. Người mà Kim quá vượng thường là kẻ hữu dũng vô mưu nhưng lại tham lam, bất nhân bất nghĩa. Người mà Kim quá vượng thường dễ mắc các bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản...

Cung Mệnh ở Thìn sao Thiên như

Quý Anh cơ mưu tháo vát, nhiều việc.

Trụ năm của Quý Anh có Chánh Ấn

Trụ năm có chính ấn (ấn) nếu là hỷ dụng thần: thì sinh ở gia đình quyền quý, học tập thi cử đỗ đạt. Trường hợp có năm chính ấn và tháng chính quan thì tổ nghiệp thanh cao quyền quý. Trường hợp năm chính ấn tháng kiếp tài thì anh em được thừa kế tổ nghiệp.

Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Tài

Trụ tháng có chính tài là cần cù lao động hoặc được ân đức của bố mẹ. Trường hợp tọa kiến lộc hoặc cát thần quý nhân thì song thân có phúc được thừa kế di sản. Trường hợp tọa mộ: Kiệt sĩ như thần giữ cửa, tọa tuyệt không được vợ trợ giúp. Trường hợp tháng chính tài có giờ kiếp tài thì bố tốt phát đạt nhưng con thì xấu.

Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ ngày có thiên tài (tài) nếu tọa sao tướng thì lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài, được vợ trợ giúp. Nói chung thì gặp bạn đời khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, có tài biện bác, có vận tài, thích phù hoa biểu

hiện bản thân.

Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Ấn

Trụ giờ có thiên ấn (kiêu) thì con cái thông minh, đa tài đa nghệ nhưng cố chấp, cô độc. Nếu có ngày tọa dương nhữn thì vợ sinh đẻ khó, có sản ách. Thiên ấn (kiêu) là sao khắc con nên đối với con cái bất lợi.

Tứ Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ năm có Chính ấn và Dương nhữn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhữn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ năm Có Hoa Cái và Không vong

Hoa cái gặp không vong hoặc hình xung phá hoại: phá hoại danh lợi hoặc làm tăng ni, làm vợ lẽ hoặc bỏn tẩu giang hồ.

Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Trụ năm Có Hoa Cái và Ấn

Hoa cái với sao ấn cùng chi (ấn là hỷ dụng thần) thì tài hoa.

Trong tứ trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhữn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường

quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ách quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm gặp ấn hoặc tư quán học đường

Trụ năm Quý Anh gặp ấn là cha mẹ hiền lành, ông bà hoặc cha mẹ theo nghề văn chương, mạch nhà thư hương.

Trụ năm gặp chính ấn

Trụ năm Quý Anh gặp chính ấn là cha mẹ hiền lành, hay là điều thiện.

Trụ năm Quý Anh gặp quan tinh chính ấn thì cha mẹ làm quan cao sang.

Chính ấn đóng ở hoa cái là cha mẹ thông minh.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Thiên tài bị khắc thì cha mất trước mẹ.

Thiên tài là cha nhưng ở đất tuyệt tử mộ xem như bị khắc

Lệnh tháng là Thủy khắc năm mệnh Hỏa

Lệnh tháng khắc năm thực chất là tháng khắc mệnh năm, tức cha mẹ không toàn vẹn được. Qua thực tiễn tổng kết kinh nghiệm thấy: tháng khắc năm rất ít khi mẹ mất mà phần nhiều cha mất.

Sao phụ mẫu đóng ở tuần không hoặc ở đất bị hình, tử, tuyệt

Sao phụ mẫu đóng ở tuần không hoặc ở đất bị hình, tử, tuyệt thì cha mẹ nghèo, khó, lại đoán thọ, hoặc chết nơi đất khách quê người, hoặc không hiền lành.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.

Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Trong Tứ trụ Quý Anh tài nhiều làm tổn thương ấn

Trong Tứ trụ tài nhiều làm tổn thương ấn thì tuổi trẻ đã khắc mẹ. Ấn bị thương nên mẹ mất sớm. Tuổi nhỏ đã mất mẹ chỉ vì trong Tứ trụ tài nhiều làm cho ấn bị chết.

Trong Tứ trụ tài ấn đều bị thương tổn là khắc mẹ, khắc vợ.

Trụ ngày, trụ giờ Quý Anh đều phạm vong thần là khắc mẹ.

Trong Tứ trụ Quý Anh đều có cả thiên và tài là mẹ sẽ lấy hai đời chồng.

Trong Tứ trụ Quý Anh đều có chính ấn và thiên ấn thì nhất định là có mẹ kế.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, quan, ấn là ba đời giàu sang.

Trụ năm, trụ tháng có tài, thực là tổ nghiệp hưng thịnh.

Trụ năm, có tài quan tương trợ lẫn nhau thì được hưởng hạnh phúc của ông cha.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Ấn tinh bị thương thì làm hồng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Ấn thụ bị thương tổn thì khó giữ được tài sản của ông cha.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Tứ trụ đều có kiêu, ấn là ông cha lên đênh phiêu bạt.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Quý Anh Thân vượng và có ấn là anh chị em nhiều.

Quý Anh Thân vượng tài yếu là anh chị em nhiều.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Kỷ Mùi** hợp với Nữ tuổi **Canh Thân - Tân Dậu - Canh Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

Chính tài, thiên tài nhiều là người háo sắc, chơi bời, vợ chồng bất hoà.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Anh có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Quý Anh có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Anh là dần thân tị hại thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh có Thiên tài đều vượng mà được ngôi là vợ lẽ át vợ cả

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh Nam gặp mộ tuyệt là vợ có bệnh hoặc tính nết không hiền lành, hoặc vợ đến tuổi cao vẫn còn tái

giá.

Quý Anh có Sao thê mắt lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Tài ở tử tuyệt mộ địa thì suốt đời phiêu bạt.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Anh có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Anh có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Quý Anh Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Trong trụ Quý Anh có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Trong trụ Quý Anh gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Quý Anh có tài nhiều lại dựa vào án thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp ất mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất; người hợi, mao, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tự hợi. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh Ấn thụ thông suốt, gặp phát tài thì phát, gặp quan thì vinh hiển.

Quý Anh có Thực thần gặp tài, nhưng tài nhiều thì không sang mà chỉ là trợ phú.

Thương quan của ngày, giờ bị tổn thương hết thì sẽ phát tài một cách bất nghĩa.

Tài tinh Quý Anh chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Trong Tứ trụ Quý Anh kêu thần mừng nhất gặp tài tinh, khi thân vượng gặp được là phát phú.

Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Trong trụ Quý Anh vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Anh có Ẩn nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài lộ 1 Tài ẩn

Kiều thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Anh thân vượng gặp được là phúc.

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Quý Anh có Tài rơi vào không vong tất sẽ nghèo.

Quan Vận

Thiên Quan Quý Anh có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Quan Ẩn Quý Anh ở trụ năm và tháng, làm quan hay lui tới cung điện.

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Anh có Hoa Cái và Ẩn tinh củng hội, là bậc lương thần như Quản Trọng.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Tài tinh Quý Anh yếu, làm quan không lâu.

Quý Anh có Tài Quan Ẩn đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Anh có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Trụ năm Quý Anh có Ẩn thụ phúc vô cùng, thụ ơn tập ấm lập công danh.

Quý Anh Mệnh gặp Ất Bính Đình, đởi Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Ẩn Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thiên Ẩn nhiều, học nhiều thành tựu ít.

Quý Anh có Thực đằng trước Sát đằng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Năm gặp Quan quý, tài cao, tuổi trẻ thành danh (Thân vượng).

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Sát Ẩn tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Sát Ẩn tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Trụ Quý Anh có Thiên Ẩn (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mấy nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn

dựa vào nhân duyên.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bác tinh tướng, tam giáo cứu lưu...

Quý Anh có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh được phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỗ trợ thần Quý Anh là Hỏa

Tứ trụ hỗ trợ thần Quý Anh là Hỏa, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quần giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hỏa khắc canh kim, giờ ngọ hỏa ở vượng địa, là lộc của đĩnh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra năm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Quý Anh có Ấn thụ, kiêu thần là khó có con.

Trụ giờ Quý Anh đóng ở thiên ấn thì con cái tính hung dữ.

Quý Anh Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Trụ tháng Quý Anh có tài thì tuy đưa con giàu có nhưng là con nuôi.

Quý Anh Trụ ngày có sát, kiêu là vợ nhiều đẻ ít.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh Sinh mùa đông, mạng không có hỏa, chi dưới bị hàn lạnh.

Quý Anh Kiều đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh có Nhật tọa Kiều, hoặc Kiều nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Anh có Nhật tọa Kiều, hoặc Kiều nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm thấy hiện tượng ngực dưới như bị thương, thở gấp, miệng khô khát.

Thổ kim tương sinh mà quá vượng, hay khí hư, thường đầy bụng, bí đại tiện, khát nước.

Ấn là hỏa thổ, nhiệt làm sinh đờm, tháo làm mình mẩy bị ngứa.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át bính đinh..., chi là tý sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như: Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điếm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiều**(Phiến Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba

thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thân	Tỷ	Suy	T.Tài		Dưỡng
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÂN	Dưỡng	KỶ	MÙI	Q.Đới	QUỲ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Kỷ	Át	Đinh		Tân	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu		Thực	
Dưỡng	Q.Đới	Mô	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy		Mô	

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính“). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của di ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng

lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thẳng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc,

sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T. Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net